

# GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

NGUYỄN XUÂN MAI

THỰC hiện đường lối phát triển kinh tế của các Đại hội Đảng lần thứ IV và thứ V, công nghiệp được phát triển mạnh mẽ. Vốn đầu tư dành cho khu vực sản xuất vật chất trong giai đoạn 1976-1984 tăng lên 2 lần, riêng công nghiệp tăng 3 lần hơn 800 xí nghiệp được xây dựng, nâng số xí nghiệp công nghiệp từ 2.021 năm 1976 lên 2.875 năm 1984. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng lên gần 2 lần trong giai đoạn này. So với năm 1930 thời kỳ tương đối phồn thịnh dưới chế độ thực dân Pháp, thì giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1984 bằng 23,6 lần <sup>(1)</sup>.

Gắn liền với sự phát triển công nghiệp, đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo, chỉ số phát triển của công nhân công nghiệp so với năm 1976 là:

1976	1980	1984	(2)
100%	121,4%	140,7%	

So với nhịp điệu phát triển dân số giai cấp công nhân đã phát triển mạnh hơn:

	Dân số cả nước	Công nhân viên trong khu vực sản xuất vật chất	Công nhân sản xuất công nghiệp	(3)
Chỉ số phát triển 1984/1975	119,5%	143,2%	143,6%	

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân Việt Nam còn giữ vị trí

<sup>1</sup>. Số liệu thống kê 1930 - 1984 Nxb Thống kê, Hà Nội. 1985. tr. 39. 50

<sup>2</sup>. Niên giám thống kê 1984, Nxb Thống kê, Hà Nội. 1985. tr. 149

<sup>3</sup>. Số liệu thống kê 1930 - 1984, Nxb Thống kê. Hà Nội, 1985, tr. 15,63,67

rất khiêm tốn trong cơ cấu dân cư, chỉ chiếm khoảng 7% lực lượng lao động xã hội (<sup>4</sup>). Nhưng đến nay, giai cấp công nhân đã tạo ra 37,5% tổng sản phẩm xã hội và gần 30% thu nhập quốc dân. Họ đã đảm bảo tới 65,1% ngân sách Nhà nước (<sup>5</sup>)

Giai cấp công nhân Việt Nam bao gồm hai bộ phận lớn: bộ phận công nhân công nghiệp bao gồm công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và bộ phận công nhân nông nghiệp và cả lâm nghiệp.

*Công nhân công nghiệp.* Gần 60% giai cấp công nhân tập hợp trong đội ngũ này. Trong giai đoạn 1975 - 1984, tốc độ tăng của đội ngũ công nhân công nghiệp là 133% (Công nhân công nghiệp được phân chia theo cơ cấu ngành nghề như sau:

Ngành	Tỷ lệ %
Điện năng	2,5
Nhiên liệu	6,5
Sản xuất thiết bị máy móc	18,7
Hóa chất	7,6
Luyện kim	9,2
Công nghiệp nhẹ và chế biến thực phẩm	36,5
Vật liệu xây dựng	12,9

Do đòi hỏi của qui trình công nghệ, đội ngũ công nhân công nghiệp có tính tổ chức, kỷ luật cao. Mặt khác, do làm việc tại những cơ sở sản xuất có trình độ trang bị kỹ thuật cao và phức tạp hơn những ngành khác, công nhân công nghiệp cũng có trình độ tay nghề khá hơn. Việc xuất hiện những ngành nghề mới, với kỹ thuật khá hiện đại đòi hỏi trình độ chuyên môn cao cũng khiến cho tỷ lệ công nhân công nghiệp tăng lên. Nhiều lực lượng lao động xã hội đã gia nhập vào đội ngũ công nhân công nghiệp. Số lượng công nhân công nghiệp được đào tạo đông đảo hơn (trên 50% so với công nhân nông nghiệp chỉ có 21%).

Công nhân công nghiệp cũng là bộ phận có tính tích cực chính trị - xã hội cao nhất trong giai cấp công nhân. Đội ngũ công nhân công nghiệp có tỷ lệ đảng viên cao hơn công nhân nông nghiệp. Tỷ lệ tương ứng là 10% với 7% trong công nhân nông nghiệp và 2,5% trong công nhân lâm nghiệp.

Với những đặc điểm về phẩm chất như vậy đội ngũ công nhân công nghiệp sản xuất ra hơn 30% tổng sản phẩm xã hội (1981), chiếm 3/4 trong tổng sản phẩm xã hội được toàn thể giai cấp công nhân sáng tạo. Họ đã tạo ra nhiều sản phẩm thiết yếu cho sự phát triển nền kinh tế đất nước (<sup>6</sup>). Công nhân công nghiệp

<sup>4</sup>. Lê Xuân Tùng, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, Sự thật, H. 1985. Tr.

<sup>5</sup> Diễn văn kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Bộ lao động. Đào Thiện Thi, 1985, Tr.19.

<sup>6</sup> Ngành cơ khí đã trang bị cho các ngành kinh tế gần 1/3 số máy công cụ hiện có trong cả nước. Sản phẩm cơ khí tự sản xuất trong nước chiếm khoảng 30% tổng giá trị máy móc thiết bị, phụ tùng cung cấp cho các ngành KTQD. Xem: Phan Thanh Liêm. Tình hình ngành chế tạo máy công cụ, dụng cụ hiện nay và phương hướng phát triển trong thời gian tới. Cơ khí Hà Nội, No 2/1988, Tr 1

xứng đáng là hạt nhân của giai cấp công nhân không chỉ về số lượng, về những phẩm chất của mình mà cả về vai trò ngày càng tăng của nó trong nền kinh tế quốc tế.

Sự hình thành và phát triển của tầng lớp công nhân đại công nghiệp đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giai cấp công nhân. Trong khoảng thời gian 1976 - 1981, gần 600 nhà máy, xí nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất đã được xây dựng. Nhiều xí nghiệp qui mô lớn thuộc các ngành năng lượng, cơ khí chế tạo, đóng tàu, vật liệu xây dựng... với trang bị hiện đại đã đi vào sản xuất. Các xí nghiệp công nghiệp lớn tập trung vào các thành phố lớn nhất. Qui mô trung bình một xí nghiệp công nghiệp ở Hà Nội là hơn 500 công nhân, còn ở thành phố Hồ Chí Minh trên 400; so với cả nước, con số đó là hơn 200.

Trong hàng ngũ công nhân công nghiệp, những công nhân làm việc trong các cơ sở đại công nghiệp mặc dù còn chiếm một tỷ lệ nhỏ bé nhưng lại có những điều kiện cần thiết để hình thành những phẩm chất của giai cấp công nhân hiện đại (<sup>7</sup>). Đó là phong cách làm việc mới, ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ, tinh thần tập thể cao, sự tiếp thu có sáng tạo những kỹ thuật sản xuất tiên tiến v.v... Do yêu cầu sản xuất, trình độ học vấn chung của công nhân công nghiệp cũng cao hơn hẳn các ngành khác.

#### Tỷ lệ công nhân có trình độ phổ thông trung học ở từng ngành sản xuất

Ngành	Năm	
	1976	1985
Cơ khí	44,3	67,1
Điện	55,5	74,6
Than	18,7	31,0
Hóa chất	36,3	43,8
Xây dựng	30,0	32,8
Giao thông	23,9	36,6

#### Trong công nhân nông nghiệp và lâm nghiệp lý là đó như sau:

	1976	1985
Nông nghiệp	8,7	15,3
Lâm nghiệp	9,0	31,3

Công nhân nông nghiệp là đội ngũ đông đảo thứ hai trong giai cấp công nhân Việt Nam. Trong 10 năm 1976-1986, đội ngũ công nhân này đã tăng gần 4 lần, nhanh hơn bất kỳ một bộ phận cấu thành nào

<sup>7</sup>. theo tác giả Lê Xuân Tung, lực lượng công nhân đại công nghiệp mới chỉ sản xuất được 27% lượng sản phẩm chung của nhóm công nhân công nghiệp

Xem: Lê Xuân Tung Công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Sự thật. Hà Nội. 1985. tr. 110

khác trong giai cấp<sup>(8)</sup> Sự phát triển nhanh chóng đó gắn liền với quá trình phân bố lại lao động xã hội nhằm khai thác tốt nhất những tiềm năng về đất đai, lao động, điều kiện tự nhiên v.v... Ở mọi vùng lãnh thổ của đất nước. Sự phát triển này còn liên quan mật thiết với quá trình biến nền nông nghiệp độc canh, tự cấp, tự túc thành nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc tăng cường quá trình liên kết kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển đội ngũ công nhân nông nghiệp. Điều đó góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ trang bị kỹ thuật và quản lý sản xuất, từng bước nâng cao phẩm chất giai cấp công nhân nông nghiệp.

Phần lớn đội ngũ công nhân nông nghiệp (80%) xuất thân từ nông dân. Đa số công nhân vẫn lao động chân tay giản đơn. Trình độ văn hóa và chuyên môn của họ còn thấp. Họ gắn bó với các hình thức kinh tế gia đình, duy trì nếp sống sinh hoạt truyền thống, mang tâm lý tiểu nông và vẫn giữ lối sống nông thôn. Đội ngũ này là tầng lớp giáp ranh và gần gũi nhất với giai cấp nông dân.

Trong đội ngũ công nhân nông nghiệp, công nhân ngành cao su phát triển nhanh nhất, tăng hơn 4 lần trong 5 năm 1980-1985. Họ đã chiếm trên một phần tư số lượng công nhân nông nghiệp và sẽ tiếp tục tăng hơn nữa trong những năm tới.

Cùng với việc thành lập nhiều nông trường, lâm trường, trong cơ cấu đội ngũ công nhân nông nghiệp đã hình thành một bộ phận công nhân là người các dân tộc. Riêng ở Tây Nguyên có hàng vạn công nhân là người dân tộc. Việc tuyển dụng công nhân nông nghiệp ở các vùng dân tộc được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau, kể cả đưa từng buôn, xã vào nông trường, lâm trường. Quá trình tổ chức lại đời sống xã hội và gắn liền với việc từng bước tổ chức lại đời sống xã hội và điều chỉnh lại dân cư. Ở đây, những người dân nghèo khổ, chậm tiến đang trở thành người công nhân. Hoạt động tự cấp, tự túc của họ đang trở thành hoạt động sản xuất hàng hóa. Đời sống vật chất và tinh thần của họ đang thay đổi nhanh chóng. Tình hình này đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và đưa nhân dân ở các vùng này tiến kịp nhân dân cả nước.

## II

Ở Việt Nam hiện nay, trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sự di động xã hội trong cơ cấu của giai cấp công nhân diễn ra liên tục và rất rõ nét. Đó là giai cấp công nhân và ngược lại từ giai cấp công nhân sang những giai cấp và tầng lớp xã hội khác hoặc di chuyển giữa các nhóm bên trong giai cấp.

Qua phân tích số liệu điều tra chọn mẫu công nhân ở 19 tỉnh, thành phố năm 1985, chúng tôi thấy rằng đại bộ phận những người được hỏi xuất thân từ gia đình công nhân và gia đình nông dân, trong đó thành phần công nhân chiếm 42,9% và thành phần nông dân chiếm 42,27%

So sánh với các bộ phận công nhân ở các ngành nghề khác nhau, từ nghiên cứu trên đây chúng tôi thấy ở các ngành công nghiệp truyền thống hoặc những ngành công nghiệp lớn của đất nước như cơ khí, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ, xây dựng thì nguồn gốc xã hội chủ yếu của công nhân là công nhân. Chẳng hạn, 69,4% số công nhân ở ngành công nghiệp thực phẩm xuất thân từ gia đình công nhân.

---

<sup>8</sup>. Ngành nông-lâm-ngư nghiệp thuộc khu vực Nhà nước hiện có hơn 600.000 lao động. Theo xã luận: Mỗi quốc doanh nông nghiệp phải là mặt điểm tỏa sáng. Báo nhân dân-Hà Nội ngày 29-2-1988.

Công trình nghiên cứu về công nhân năm 1985 còn cho thấy 43,6% người được hỏi có cha mẹ là công nhân và 9,8% thuộc về gia đình công nhân 3 đời. Ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp thì tỷ lệ có cha mẹ là công nhân cao gấp hai, ba lần những tỉnh khác. Tỷ lệ này ở những ngành công nghiệp truyền thống và quan trọng của đất nước cũng cao hơn.

Trong sự di động chung của cơ cấu xã hội giai cấp công nhân, xu hướng tự tái sản xuất của giai cấp công nhân ngày càng tăng và được thể hiện như trong bảng sau:

(%)

	Dưới 30 tuổi	30 – 49 tuổi	50 – 60 tuổi
Có cha mẹ là công nhân	48,2	38,1	36,6

Một công trình nghiên cứu của Viện Xã hội học ở Hà Nội năm 1984 đã cho thấy những khác biệt trong ý kiến công nhân giữa sự đánh giá hiện tại về nghề nghiệp của họ và nguyện vọng cho con cái nối nghiệp mình. Chẳng hạn chúng ta xem bảng dưới đây:

#### Về nguyện vọng cho con cái kế thừa nghề nghiệp

(%)

	Chung	46 tuổi trở lên
Công nhân vận tải	37,2	59,2
Công nhân cơ khí	34,9	43,3
Công nhân dệt	31,9	43,7
Công nhân xây dựng	17,4	25,0

Số người được hỏi trên 46 tuổi (lứa tuổi nhả lo công ăn việc làm cho con cái mình) muốn cho con cái kế tục nghề nghiệp của mình cao hơn hẳn tỷ lệ chung. Điều đó hoàn toàn phù hợp với thực tế ở Hà Nội là 36,4% công nhân trong lứa tuổi (50-60) có con đến tuổi trưởng thành chưa có việc làm.

Nếu ở các ngành công nghiệp quan trọng, phần lớn công nhân xuất thân từ gia đình công nhân thì ở các ngành nông nghiệp lâm nghiệp hơn 85% công nhân lại có nguồn gốc nông dân. Tuy nhiên trong cơ cấu ngành bổ sung hiện nay cho giai cấp công nhân, tỷ lệ nông dân chỉ còn chiếm 8,2%. Ở một số tỉnh nông nghiệp, tỷ lệ này có cao hơn, nhưng nguồn bổ sung này ngày càng ít đi.

Sự biến đổi cơ cấu xã hội dưới chế độ mới đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nguồn xã hội bổ sung cho giai cấp công nhân. Nếu những năm 60 - 70, nguồn bổ sung chủ yếu cho giai cấp công nhân là nông dân và những người lao động đô thị mà trình độ học vấn còn rất thấp thì hiện nay nguồn bổ sung lại chủ yếu là những thành phần học sinh (65%). Trong số này, có tới 60% là những người học tập và trưởng thành ở các đô thị.

Trong một đất nước mà hệ thống giáo dục phổ thông khá phát triển, giai cấp công nhân Việt Nam đang ngày càng có một trình độ học vấn tương đối cao. Một bộ phận trong đó lại được đào tạo qua hệ

thống các trường dạy nghề. Đây là những điều kiện thuận lợi để người công nhân trẻ dễ dàng nâng cao trình độ chuyên môn, nhanh chóng tiếp nhận những kỹ thuật tiên tiến, phát huy tính sáng tạo trong lao động và xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

Sau chiến tranh, các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cũng trở thành nguồn bổ sung đáng kể cho giai cấp công nhân và đưa vào giai cấp công nhân một tinh thần kỷ luật và ý thức chính trị vững vàng. Ngày nay, con số những người công nhân đã từng khoác áo lính này đã lên tới 12,4% tổng số công nhân.

Trong cơ cấu của giai cấp công nhân, tỷ lệ những người xuất thân từ thợ thủ công hiện còn nhỏ bé. Theo số liệu điều tra của chúng tôi, chỉ có 5,7% số công nhân được hỏi là từ thợ thủ công mà thôi. Nhưng chủ trương phát triển mạnh mẽ các ngành thủ công của Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam cho phép dự báo nguồn bổ sung từ thợ thủ công sẽ ngày một tăng lên.

Ở đây cũng cần nói đến sự di chuyển từ giai cấp công nhân sang các giai cấp và tầng lớp khác. Cuộc khảo sát xã hội học năm 1984 ở Hà Nội cho thấy, tại trung tâm đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật lớn nhất đất nước có tới 46,8 % cán bộ giảng dạy có cha, mẹ là công nhân. Đặc biệt, ở thế hệ trẻ, tỷ lệ này cao hơn hẳn. Trong tầng lớp viên chức của một công ty thương nghiệp thành phố có tới 51,7 % số người được hỏi có cha mẹ là công nhân. Tỷ lệ những người có cha mẹ cùng là công nhân ở tri thức trường đại học nói trên là 22,1% và trong viên chức thương nghiệp là 24.6 %. Một bộ phận đáng kể công nhân qua quá trình sản xuất và đào tạo đã trở thành tri thức kỹ thuật và trí thức quản lý ở các cơ sở sản xuất và các cơ quan Đảng, chính quyền.

Tình hình di chuyển nêu trên phản ánh sự biến đổi tích cực của tính chất lao động từ lao động nông nghiệp, lao động thủ công sang lao động công nghiệp, lao động được cơ giới hóa, từ lao động chân tay tới lao động trí óc, từ trình độ chuyên môn thấp đến trình độ chuyên môn cao. Nó cũng phản ánh tính ưu việt của chế độ mới đã tạo mọi điều kiện cho con em nhân dân lao động vươn lên nắm lấy những tri thức khoa học kỹ thuật, và đạt tới vị trí xã hội xứng đáng với năng lực của mình.

Sự biến đổi đó đã thể hiện không chỉ giữa các thế hệ mà còn ở bên trong mỗi thế hệ. Số liệu điều tra chọn mẫu năm 1985 cho thấy gần 30% nguồn bổ sung giai cấp công nhân là những người thay đổi tính chất lao động của mình ở những mức độ khác nhau từ lao động nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán nhỏ chuyển sang lao động công nghiệp, từ lao động chân tay sang lao động có trang bị máy móc, từ người cầm súng thành người dùng máy.

Sự biến đổi tính chất của hoạt động còn diễn ra trong lòng giai cấp công nhân khi đổi mới trang thiết bị sản xuất hoặc hình thành những ngành nghề mới như dầu khí, điện tử. Sự kết hợp lao động cơ giới với lao động trí óc cũng bắt đầu hình thành những người thợ lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành các thiết bị hiện đại, những những máy móc tự động và bán tự động đã có ở 12 bộ trong cả nước. Còn có những công nhân sản xuất, sửa chữa, lắp ráp các linh kiện, thiết bị điện tử và vi điện tử. Những người này đều được đào tạo chuyên môn với trình độ cao.

Sự tăng nhanh các cơ sở sản xuất trong thời gian qua cũng làm tăng lên đội ngũ công nhân tham gia vào công tác quản lý tổ, đội sản xuất. Họ là lực lượng cốt cán của giai cấp công nhân, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ tay nghề cao, họ vừa tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất, vừa trực tiếp sản xuất. Không ít người trong số họ đã trở thành người lãnh đạo các xí nghiệp về các mặt kinh tế, chuyên môn chính trị. Việc đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất tiếp tục thúc đẩy năng lực quản lý của đội ngũ công nhân này.

Trong thời gian tới, do sự thay đổi cơ chế quản lý và tổ chức lao động, do việc tăng cường tính năng động của sản xuất, chắc chắn sự di chuyển trong cơ cấu xã hội của giai cấp công nhân sẽ còn tăng lên.

### III

Quá trình phát triển của nền sản xuất xã hội đòi hỏi phải nâng cao trình độ văn hoá và chuyên môn của giai cấp công nhân. Nâng cao trình độ văn hoá - chuyên môn là cơ sở khoa học cho việc nâng cao ý thức giai cấp, góp phần phát triển về chất lượng giai cấp công nhân.

Trình độ văn hoá và chuyên môn được xem vừa là điều kiện cần thiết cho việc tái sản xuất chất lượng của lực lượng lao động, vừa như yếu tố cơ bản của việc nâng cao năng suất lao động.

Về trình độ văn hoá chung của giai cấp công nhân hiện nay, chúng ta có bảng tỷ lệ sau:

Tỷ lệ công nhân có học vấn phổ thông trung học

	Tỷ lệ có trình độ phổ thông trung học		
	1976	1980	1983
CẢ NƯỚC	29,2	40,0	42,5
Dưới 30 tuổi	2,6	44,0	47,6
30 – 49	32,5	38,2	39,0
50 – 60	11,2	10,3	11,9

Các kết quả nghiên cứu cho thấy với nguồn bổ sung chủ yếu là học sinh, giai cấp công nhân Việt nam ngày càng trẻ hóa, có tuổi bình quân là 31. Trình độ văn hoá của họ cũng dần dần được nâng cao hơn.

Cuộc điều tra chọn mẫu năm 1985 còn cho biết, trình độ văn hoá của giai cấp công nhân không đồng đều ở các vùng lãnh thổ và các ngành kinh tế. Ở các thành phố lớn công nhân có trình độ học vấn cao hơn hẳn các nơi khác. Ở miền Bắc cao hơn miền Nam. Các ngành đòi hỏi kỹ thuật cao, công nhân cũng có trình độ học vấn cao hơn, như cơ khí, điện, bưu điện.

Nhìn chung, trình độ học vấn của công nhân Việt Nam vẫn còn thấp. Tuy nhiên ở khắp mọi nơi, công nhân đều cố gắng nâng cao trình độ của mình.

Hiện nay có khoảng 10% công nhân đang học tập dưới các hình thức khác nhau nhằm nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, ngoại ngữ, chính trị v.v... Các lớp ngoài giờ làm việc là hình thức phổ biến nhất chiếm 43,9% số người đang học tập. Hình thức tự học tập ở nhà giữ vị trí thứ 2. Học tập tại chức là một hình thức đào tạo khá phổ biến với 18,6% số người tham gia.

Các nhóm công nhân tham gia học chuyên môn ngoài giờ và các nhóm được học bổ túc văn hoá có số lượng gần ngang nhau. Ở các thành phố lớn, nơi trình độ học vấn cao hơn, công nhân tham gia học tập chuyên môn và ngoại ngữ nhiều hơn các địa phương khác. Ngược lại ở các địa phương công nhân lại học bổ túc văn hoá đông đảo hơn.

Nghiên cứu bậc thợ bình quân của công nhân qua các năm, chúng tôi nhận thấy trình độ chuyên môn của công nhân có xu hướng tăng lên:

Bậc thợ bình quân	Thang bậc 5			Thang bậc 6			Thang bậc 7		
	1976	1980	1985	1976	1980	1985	1976	1980	1985

Cả nước	2,3	3,0	3,1	3,1	3,5	4,0	2,9	3,3	3,3
Nam	2,3	3,2	3,3,	3,4	3,7	4,2	3,3	3,5	3,7
Nữ	2,3	2,9	3,1	2,4	3,0	2,0	2,2	3,0	2,4

Số liệu điều tra năm 1985 chứng tỏ rằng trong vài năm gần đây có xu hướng giảm sút trình độ chuyên môn của nữ công nhân do tuyển dụng không gắn với đào tạo. Sự chênh lệch giữa nam và nữ là khá lớn

Người ta cũng đã nhận biết được xu hướng tăng lên về trình độ chuyên môn diễn ra ở tất cả các ngành, các vùng, lãnh thổ. Riêng các ngành đòi hỏi được đào tạo và trang bị kỹ thuật cao như cơ khí, điện, công nhân có trình độ chuyên môn cao hơn những ngành khác.

Nhìn chung trình độ của công nhân còn thấp. Cơ cấu trình độ lành nghề mất cân đối. Bậc 1 và 2 chiếm 57,5%, trong khi bậc 5, 6, 7 chỉ có 3,9%. Tuy có xu hướng tăng tỷ lệ thợ bậc cao nhưng tỷ lệ đó còn nhỏ bé so với nhu cầu sản xuất. Như bảng dưới đây:

(% theo tổng số công nhân trong thang lương)

Tỷ lệ thợ bậc cao	1976	1980	1985
Bậc 5/5	6,3	10,1	14,3
Bậc 6/6	1,1	3,4	6,3
Bậc 7/7	0,6	0,8	1,9

Trong tương lai, sự mất cân đối này sẽ còn phát triển thể hiện ở chỗ giữa người kế tục nghề nghiệp với những người thợ bậc cao có một khoảng cách còn khá xa. Trong thực tế, công nhân có trình độ học vấn cao lại thường có tay nghề thấp, vì họ là những công nhân trẻ mới vào nghề, chưa tích cực trau dồi nghề nghiệp. Ngược lại, thợ lành nghề bậc cao với thâm niên nghề nghiệp trung bình 20 năm lại có trình độ văn hóa thấp. Trong một cuộc phỏng vấn của chúng tôi, chỉ có 52% thợ cơ khí, 44% người thợ dệt bậc cao cảm thấy có thể tin cậy vào người kế tục chuyên môn của mình. Bởi vậy, việc đào tạo thợ lành nghề trở thành một vấn đề hết sức cấp thiết hiện nay và là vấn đề chiến lược trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong thời gian qua việc mở rộng sản xuất đã làm tăng nhanh số lượng công nhân. Nhưng việc tuyển dụng không đi đôi với đào tạo đã dẫn đến sự giảm sút chất lượng chuyên môn của giai cấp công nhân. Cho tới nay mới chỉ có khoảng 50% công nhân được đào tạo nghề nghiệp. Xu hướng giảm sút đào tạo công nhân xuất hiện vào đầu những năm 80 và đang được khắc phục dần. Gần đây, 154 trung tâm dạy nghề hình thành ở 24 tỉnh, thành phố đã đào tạo được 400 ngàn người. Ngoài việc vào biên chế ở các nhà máy xí nghiệp, nhưng thanh niên được đào tạo nói trên còn được khuyến khích vào làm việc trong các khu vực kinh tế tập thể, kinh tế gia đình và kinh tế cá thể. Quá trình công nghiệp hóa đất nước sẽ thu hút dần sự cơ động có nghề nghiệp này vào khu vực nhà nước, làm biến đổi tính lao động của họ, biến họ trở thành công nhân đại công nghiệp.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân. Vì sự nghiệp của đất nước Đảng phải không ngừng phát huy vai trò của giai cấp công nhân. Vì sự nghiệp xây dựng Đảng, để làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng trước hết phải xây dựng giai cấp công nhân xứng đáng là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hôm nay.



Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân Việt nam đã thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Giai cấp công nhân Việt Nam đã có những đóng góp to lớn trong việc xây dựng nền công nghiệp. Giai cấp công nhân Việt Nam đã không ngừng củng cố khối liên minh vững chắc của mình với giai cấp nông dân Việt Nam, từng bước cải tiến kỹ thuật nông nghiệp, góp phần tăng năng suất lao động nông nghiệp và thay đổi bộ mặt của nông thôn.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đứng trước những tình hình khó khăn của đất nước trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đã rút ra những bài học sâu sắc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và từ những kinh nghiệm quý báu của các nước anh em đã nêu lên hàng loạt những chủ trương và chính sách nhằm đổi mới tư duy, xây dựng những phương hướng khoa học và cụ thể cho chiến lược kinh tế xã hội, tạo những biến đổi sâu sắc trong cơ chế quản lý nhằm nhanh chóng tạo ra sự ổn định và phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống.

Tình hình trên đây đòi hỏi giai cấp công nhân Việt Nam phải đi đầu trong sự nghiệp đổi mới, phải gương mẫu trước tình hình và nhiệm vụ mới, phải gấp rút nâng cao trình độ chính trị, văn hóa và chuyên môn.

Giai cấp công nhân phải sớm khắc phục được những nhược điểm đã bộc lộ trước những biến chuyển lịch sử này. Đảng và Nhà nước cũng như tổ chức của giai cấp công nhân là công đoàn phải phát huy cao nhất các chức năng của mình góp phần thúc đẩy sự trưởng thành nhanh chóng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Như chúng ta đã thấy trong những thập kỷ gần đây, giai cấp công nhân Việt Nam: đã phát triển mạnh mẽ về số lượng, nhưng sự phân bố công nhân đã không được cân đối giữa các ngành nghề. Sự phát triển nhanh chóng giai cấp công nhân về mặt số lượng đã khiến cho giai cấp công nhân trẻ lại về mặt tuổi đời và cả về tuổi nghề. Đội ngũ giai cấp công nhân Việt nam mà tuyệt đại bộ phận thuộc về thế hệ trẻ đang chứa đựng một tiềm năng to lớn về sự vươn lên mạnh mẽ, về tinh thần lao động, về sự tiếp nhận kỹ thuật mới. Tiềm năng đó sẽ được phát huy nếu như thế hệ trẻ này được quan tâm bồi dưỡng thích đáng về các mặt đào tạo, đãi ngộ và sử dụng. Chính vì lẽ trên đây mà hệ thống đào tạo giai cấp công nhân đang được gấp rút cải tiến. Các trường dạy nghề được xây dựng và phát triển có kế hoạch, nội dung đào tạo được cải tiến cho thích hợp với mỗi tầng lớp công nhân.

Sự phát triển mạnh mẽ của giai cấp công nhân đã khiến cho tỷ lệ những công nhân lâu năm và tỷ lệ công nhân nhiều đời giảm xuống (số tương đối). Đội ngũ công nhân này mặc dầu tỷ lệ thấp hơn trước so với công nhân mới, nhưng quan điểm giai cấp, ý thức chính trị, thái độ lao động, tinh thần gương mẫu trong cuộc sống hàng ngày vẫn thể hiện những truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam, tiếp tục giữ vai trò đầu tàu trong toàn bộ sự nghiệp công nghiệp hóa.

Cuộc cách mạng văn hóa ở Việt Nam đã xóa xong nạn mù chữ đang đưa toàn bộ nhân dân Việt Nam vào con đường không ngừng nâng cao trình độ văn hóa. Đông đảo học sinh được tiếp nhận vào các xí nghiệp và trở thành công nhân, đang là một nhân tố tích cực để nâng cao trình độ văn hóa của toàn thể giai cấp công nhân Việt Nam đang tạo ra một cơ sở thuận lợi cho việc nâng cao trình độ chuyên môn và ý thức chính trị.

Cùng với khó khăn chung của đất nước, giai cấp công nhân Việt Nam đang phải chịu đựng một mức sống rất thấp. Sự đãi ngộ vật chất chưa thỏa đáng và sự phân phối theo lao động ở nhiều nơi bị vi phạm. Tình hình này đã làm giảm sút đáng kể nhiệt tình của giai cấp công nhân. Cộng thêm vào đó, dân chủ chưa được mở rộng trong các xí nghiệp cũng là một nguyên nhân hạn chế nhiệt tình sáng tạo và tính tích cực xã hội của họ. Đại hội VI nhấn mạnh: “Đối với giai cấp công nhân, Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí

giai cấp tiên phong của cách mạng đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, tạo ra những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình”<sup>9</sup>). Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đang mở rộng phong trào dân chủ hóa trên toàn bộ đất nước, đặc biệt là trong các xí nghiệp. Giai cấp công nhân Việt Nam ở khắp mọi nơi đang tham gia tích cực vào việc quản lý xí nghiệp từ khâu vạch ra kế hoạch, cải tiến các quá trình sản xuất đến bàn bạc dân chủ, về chính sách tiền lương cũng như phát triển và sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi của xí nghiệp.

Đảng và nhà nước đang phát động phong trào đẩy mạnh việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn và đồn sức người, sức của vào 3 chương trình này. Đó là các chương trình lương thực, phát triển hàng tiêu dùng, phát trên hàng xuất khẩu. Một không khí sống động đang được đẩy lên từ thành thị đến nông thôn, huy động sức người sức của, đẩy mạnh sự nhất trí của toàn bộ ngành công nghiệp Việt Nam, nhất là trong tiểu thủ công nghiệp.

Trước tình hình nói trên, giai cấp công nhân càng ý thức được vai trò ngày một to lớn của mình trong sự nghiệp chung của đất nước, càng gắn chặt lợi ích của cá nhân với lợi ích của tập thể và xã hội.

Cùng với giai cấp công nhân, Đảng và Nhà nước đang tích cực thực hiện những chính sách và biện pháp có hiệu quả nhất để nhanh chóng xây dựng một giai cấp công nhân Việt Nam vững mạnh trước tình

---

<sup>9</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Sự thật, Hà Nội. 1987, tr. 115